

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 179/2020/HS-PT
Ngày 25-11-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Huy Toàn.

Các Thẩm phán: Ông Lê Quân Vương.

Ông Bùi Ngọc Thạch.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:
Bà Ngô Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 13, 19 và ngày 25 tháng 11 năm 2020 tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 210/2020/TLPT-HS ngày 14 tháng 10 năm 2020 đối với bị cáo Trần Thanh Đ do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 59/2020/HS-ST ngày 07 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương.

- Bị cáo có kháng cáo:

Trần Thanh Đ; tên gọi khác: S; sinh năm 1988 tại tỉnh Bình Dương; nơi cư trú: khu phố X, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Thanh Đ1 và bà Vũ Thị Minh N; có vợ là bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1987 và có 01 người con, sinh năm 2013; tiền án: ngày 19 tháng 6 năm 2015 bị Tòa án nhân dân huyện Dầu T, tỉnh Bình Dương xử phạt 04 (bốn) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án hình sự sơ thẩm số 51/2015/HS-ST) và ngày 23 tháng 12 năm 2016 bị Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 (ba) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” (Bản án hình sự sơ thẩm số 287/2016/HS-ST); tiền sự: không; bị bắt, tạm giam ngày 06 tháng 02 năm 2020 đến nay (có mặt).

Ngoài ra còn có 01 bị cáo và 02 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Trần Thanh Đ nghiện ma túy. Để có tiền sử dụng ma túy, từ khoảng tháng 9 năm 2019, bị cáo Đ nhiều lần mua ma túy của người tên C (không rõ nhân thân, lai lịch) tại xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh về chia nhỏ bán cho những người nghiện ma túy để kiếm lời. Khoảng 10 ngày một lần, bị cáo Đ mua ma túy đá (loại Methamphetamine) với số tiền từ 2.500.000 đồng đến 4.700.000 đồng về bán. Mỗi lần bị cáo Đ thu lợi khoảng từ 1.000.000 đồng đến 1.500.000 đồng. Đến ngày 05 tháng 02 năm 2020, bị cáo Đ thu lợi bất chính từ việc mua bán trái phép chất ma túy khoảng 2.500.000 đồng.

Bị cáo Đ khai đã bán ma túy cho những người nghiện như sau: Thạch T khoảng 02 đến 03 lần, mỗi lần 300.000 đồng; Thạch T1 khoảng 04 lần, mỗi lần từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng; Nguyễn Văn Đ2 khoảng 05 lần, mỗi lần 300.000 đồng; Trần Minh H1 khoảng 03 lần, mỗi lần 300.000 đồng; Trần Thế N1 khoảng 02 lần, mỗi lần 300.000 đồng; Nguyễn Văn H2 khoảng 02 lần, mỗi lần 300.000 đồng; Vũ Thanh S1 khoảng 03 lần, mỗi lần từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng; Trần Tuấn K khoảng 02 lần, 01 lần 300.000 đồng và 01 lần 500.000 đồng; Nguyễn Nhân H3 khoảng 02 lần, mỗi lần 500.000 đồng.

Ngày 05 tháng 02 năm 2020, bị cáo Đ điều khiển xe mô tô biển số 59G1 – X đến ngã tư T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh mua ma túy của người tên C với số tiền 3.000.000 đồng gồm 06 gói nylon miệng kéo dính và 06 gói nylon hàn kín. Sau đó, bị cáo Đ cất giấu các gói ma túy trên vào ví da màu đen treo vào móc khóa xe mô tô và về nhà. Bị cáo Đ đưa số ma túy này bán cho Trần Tuấn K, Nguyễn Nhân H3, Vũ Thanh S1 và Trần Minh H1 mỗi người một gói 300.000 đồng và bị cáo Đ lấy 01 gói sử dụng cùng với Trần Minh H1. Số ma túy còn lại, bị cáo Đ để trên ví da màu đen. Khoảng 23 giờ cùng ngày, bị cáo Đ gọi điện thoại nhờ Trần Minh H1 chở vào rẫy tại ấp S, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương. Khi đến đoạn đường thuộc khu phố X, thị trấn D, tỉnh Bình Dương thì bị cáo Đ và H1 bị Đội Cảnh sát Điều tra tội phạm về kinh tế và ma túy - Công an huyện D, tỉnh Bình Dương và Công an thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương bắt và thu giữ 03 gói nylon hàn kín bên trong chứa tinh thể trắng (ký hiệu M1) và 04 gói nylon miệng kéo dính bên trong chứa tinh thể trắng (ký hiệu M2) và các vật chứng khác.

Quá trình điều tra, bị cáo Đ khai báo còn cất giấu ma túy tại nhà của mình nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện D, tỉnh Bình Dương đã khám xét khẩn cấp nơi ở của bị cáo Đ tại khu phố X, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương và thu giữ 01 gói nylon chứa tinh thể trắng (ký hiệu M3), bị cáo Đ khai là ma túy đá mua về bán cho những người nghiện.

Tại Bản kết luận giám định số 47/MT-PC09 ngày 12 tháng 02 năm 2020, Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Dương kết luận: mẫu tinh thể gửi giám định là ma túy, có trọng lượng là 0,5183 gam (M1), 1,9868 gam (M2), loại Methamphetamine.

Tại Bản kết luận giám định số 52/MT-PC09 ngày 12 tháng 02 năm 2020, Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Dương kết luận: mẫu tinh thể màu trắng gửi giám định là ma túy, có khối lượng là 9,8890 gam, loại Methamphetamine.

Ngoài ra, bị cáo Đ khai vào cuối năm 2019, bị cáo Đ mua một khẩu súng tự chế và 06 viên đạn của người tên Tiến (không rõ nhân thân, lai lịch) tại huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh với giá 3.000.000 đồng và về cất giấu tại rẫy thuộc ấp S, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương để phòng thân. Đến khoảng 23 giờ (không rõ ngày), giữa tháng 01 năm 2020, bị cáo Bùi Lê Tân K1 đến nhà của bị cáo Đ sử dụng ma túy, bị cáo Đ lấy súng, 06 viên đạn, 03 dao tự chế, 01 cây sắt nhờ bị cáo K1 cất giấu. Bị cáo K1 mang về nhà, sau đó bị cáo K1 lấy thêm 01 rựa và 01 cây sắt hình trụ của bị cáo K1 rồi cất giấu trong phòng của bị cáo K1. Khoảng một tháng sau, biết bị cáo Đ bị bắt, sợ bị phát hiện nên bị cáo K1 mang túi đến gửi tại quán ăn “T2” của anh rể là ông Tống Tiến D1. Ông D1 không biết bên trong có súng và đạn. Ngày 18 tháng 02 năm 2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện D, tỉnh Bình Dương khám xét khẩn cấp quán ăn “T2”, thu giữ 01 khẩu súng tự chế; 06 viên đạn; 01 gậy hình trụ tròn; 01 ống sắt màu đen; 03 dao tự chế và 01 rựa.

Tại Bản kết luận giám định số 1406/C09B ngày 25 tháng 02 năm 2020, Phân viện Khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận: khẩu súng gửi giám định là súng bắn đạn ghém (hay còn gọi là súng hoa cải, shotgun) đã bị cắt ngắn nòng và báng súng, thuộc loại vũ khí có tính năng, tác dụng tương tự như vũ khí quân dụng và 06 viên đạn là đạn ghém, chưa bắn, cỡ 12 gauge, sử dụng để bắn cho khẩu súng nêu trên.

Những người mua ma túy của bị cáo Đ gồm Thạch T, Thạch T1, Trần Minh H1, Trần Thế N1, Nguyễn Văn H2, Vũ Thanh S1, Trần Tuấn K, Nguyễn Nhân H3 và Nguyễn Văn Đ2 đã bị xử phạt hành chính theo quy định.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 59/2020/HS-ST ngày 07 tháng 9 năm 2020, Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Căn cứ điểm b, q khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 2 Điều 304; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 136; 61; 331; 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Trần Thanh Đ (S) phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”

Xử phạt bị cáo Trần Thanh Đ (S) tù 08 (tám) năm tù về tội mua bán trái phép chất ma túy và 07 (bảy) năm tù về tội tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng. Tổng hợp hình phạt hai tội buộc bị cáo Trần Thanh Đ (S) phải chấp hành hình phạt chung là 15 (mười lăm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/02/2020.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn xử phạt bị cáo Bùi Lê Tân K1 02 (hai) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”; tuyên về biện pháp tư pháp, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 07 tháng 9 năm 2020, bị cáo Đ có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do bị cáo đang bị bệnh HIV và cho rằng bị cáo không phạm tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến: Tội danh, điều luật mà Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và kêu oan đối với tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”. Tuy nhiên, tại phiên tòa bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và thay đổi kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt đối với 02 tội. Đối với tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”, bị cáo tự thú về hành vi phạm tội này nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Tự thú” cho bị cáo là thiếu sót, mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo về tội này là nặng nên đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Đối với tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng thiếu tình tiết định khung quy định tại điểm i khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự, bị cáo có 02 tiền án, đã bị áp dụng là tình tiết định khung đối với 02 tội nhưng Tòa án cấp sơ thẩm tiếp tục áp dụng là tình tiết tăng nặng đối với bị cáo là không đúng quy định pháp luật. Tình tiết bị cáo có cha ruột là người có công với cách mạng là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nhưng Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng là tình tiết giảm nhẹ theo điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo là không đúng và phần quyết định Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết này cho bị cáo. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử hủy một phần bản án sơ thẩm để truy tố, xét xử lại đối với bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, sửa một phần bản án sơ thẩm, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng” với mức giảm từ 01 năm 06 tháng tù đến 02 năm tù.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và xin giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo nói lời sau cùng: mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo được thực hiện trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thừa nhận hành vi mua bán trái phép chất ma túy và tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai ban đầu của bị cáo, lời khai của bị cáo Bùi Lê Tân K1 cùng các tài

liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ căn cứ xác định: từ tháng 7 năm 2019, bị cáo Trần Thanh Đ đã nhiều lần bán ma túy cho những người nghiện ma túy tại các đoạn đường thuộc thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương. Ngày 06 tháng 02 năm 2020, khi bị cáo Đ cất giấu ma túy để bán cho những người nghiện thì bị bắt quả tang, thu giữ số lượng ma túy trên xe mô tô và tại nơi ở của Đ tổng cộng là 12,3941 gam ma túy, loại Methaphetamin. Tổng số tiền bị cáo Đ thu lợi bất chính từ việc mua bán ma túy là 2.500.000 đồng. Ngoài ra, khoảng cuối năm 2019, bị cáo Đ mua một khẩu súng và 06 viên đạn về cất giấu, đến khoảng giữa tháng 01 năm 2020, bị cáo Đ gửi khẩu súng và 06 viên đạn cho bị cáo Bùi Lê Tân K1 cất giấu.

[3] Hành vi của bị cáo Đ là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến chính sách quản lý độc quyền của Nhà nước đối với các chất ma túy và vũ khí quân dụng, ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Về nhận thức, bị cáo nhận thức được hành vi mua bán trái phép chất ma túy, tàng trữ vũ khí quân dụng là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, thể hiện ý thức xem thường pháp luật và bất chấp hậu quả. Bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình theo quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo phạm tội “Tàng trữ vũ khí quân dụng” theo điểm h khoản 2 Điều 304 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng pháp luật. Tuy nhiên, đối với hành vi mua bán trái phép chất ma túy: bị cáo mua bán trái phép chất ma túy có trọng lượng 12,3941 gam, loại Methamphetamine là tình tiết định khung theo quy định tại điểm i khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Vì vậy, ngoài các tình tiết định khung quy định tại các điểm b, q khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự, bị cáo còn có tình tiết định khung quy định tại điểm i khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xác định bị cáo phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b, q khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật dẫn đến áp dụng hình phạt cho bị cáo chưa tương xứng với tính chất hành vi phạm tội của bị cáo.

[4] Tình tiết bị cáo có cha ruột (ông Trần Thanh Đ1) là thương binh là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo là chưa đúng.

[5] Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm là tình tiết định khung quy định tại điểm q khoản 2 Điều 251 và điểm h khoản 2 Điều 304 của Bộ luật Hình sự, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết này là tình tiết định khung đối với bị cáo nhưng lại tiếp tục áp dụng là tình tiết tăng nặng đối với bị cáo là không đúng quy định tại khoản 2 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[6] Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, tại Tòa án cấp phúc thẩm, bị cáo thừa nhận hành vi tàng trữ trái phép quân dụng và xin giảm nhẹ hình phạt đối với 02 tội.

[7] Đối với kháng cáo của bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”: Quá trình điều tra ban đầu, bị cáo tự thú về hành vi tàng trữ trái phép vũ khí

quân dụng nhưng sau đó không thừa nhận hành vi phạm tội nên Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết giảm nhẹ “Tự thú” cho bị cáo là đúng quy định. Tại Tòa án cấp phúc thẩm, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội nên Hội đồng xét xử xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ này cho bị cáo theo quy định tại các điểm r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo đối với tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”.

[8] Đối với tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, Hội đồng xét xử xét thấy: như đã nhận định ở trên, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng thiếu tình tiết định khung hình phạt và áp dụng không đúng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo dẫn đến việc quyết định hình phạt đối với bị cáo về tội này là chưa phù hợp, chưa tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

[9] Tại Tòa án cấp sơ thẩm, bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” nên tình tiết giảm nhẹ của bị cáo đối với tội này khác với tình tiết giảm nhẹ của bị cáo đối với tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Tại phần quyết định của bản án sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng các điều luật chung để quyết định hình phạt cho bị cáo đối với 02 tội là không đúng. Mặt khác, khi tổng hợp hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự là không đúng quy định.

[10] Tòa án cấp sơ thẩm có sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật, áp dụng thiếu tình tiết định khung hình phạt và áp dụng không đúng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo nên cần hủy một phần bản án sơ thẩm về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” để xét xử lại theo đúng quy định của pháp luật.

[11] Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đề nghị hủy bản án sơ thẩm là phù hợp. Tuy nhiên, vụ án không cần điều tra, truy tố lại nên căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 298 của Bộ luật Tố tụng hình sự thì đề nghị của Viện Kiểm sát về giao hồ sơ để truy tố lại là không phù hợp.

[12] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[13] Án phí hình sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu theo quy định tại Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 344, Điều 345, các điểm b và c khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 và điểm đ khoản 2 Điều 358 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Trần Thanh Đ. Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 59/2020/HS-ST ngày 07 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương về hình phạt đối với bị cáo Trần Thanh Đ về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”,

Áp dụng điểm h khoản 2 Điều 304; điểm r khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Trần Thanh Đ 05 (năm) tù về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06 tháng 02 năm 2020.

Hủy một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 59/2020/HS-ST ngày 07 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương đối với bị cáo Trần Thanh Đ về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” để xét xử lại theo thủ tục chung.

Tiếp tục tạm giam bị cáo cho đến khi Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý lại vụ án.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương để xét xử lại theo đúng quy định của pháp luật.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Trần Thanh Đ không phải nộp.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (Vụ GĐKT 1);
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Phòng Hồ sơ – Công an tỉnh Bình Dương;
- Trại Tạm giam – Công an tỉnh Bình Dương;
- Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương (2);
- Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện D, tỉnh Bình Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Bình Dương;
- Bị cáo;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị cáo thường trú (thay văn bản thông báo);
- Lưu VP (3), hồ sơ vụ án, NTN, 17.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Huy Toàn